

Đề bài

# ÔNG ĐỒ

Vũ Đình Liên

Mỗi năm hoa đào nở  
Lại thấy ông đồ già  
Bày mực tàu giấy đỏ  
Bên phố đông người qua

.....

Năm nay đào lại nở,  
Không thấy ông đồ xưa.  
Những người muôn năm cũ,  
Hồn ở đâu bây giờ?

(Phụ lục Văn 12, NXB Giáo dục,  
Hà Nội, 1989)

Anh, chị hãy phân tích bài thơ  
trên. (Đề thi học sinh giỏi quốc  
gia năm 1990, Bảng A)

## Bài làm

Giữa cuộc sống xô bồ, hối hả, đôi lúc ta giật mình sững sờ trước một nét đẹp vọng vào tận đáy lòng sâu kín, thức tỉnh hồn dân tộc thiêng liêng, và khi ấy, ta chợt nhận ra nhịp sống trôi qua đã làm ta bỏ quên bao điều thanh cao, đẹp đẽ.

Đó là cảm giác của tôi khi đọc bài thơ *Ông đồ* của nhà thơ Vũ Đình Liên, một bài thơ mà theo tôi, nó không bao giờ cũ dù đã ra đời cách đây mấy chục năm.

*Mỗi năm hoa đào nở  
Lại thấy ông đồ già  
Bày mực tàu giấy đỏ  
Bên phố đông người qua.*

Ngược dòng thời gian về với Hà Nội, ta sẽ thấy những hình ảnh quen thuộc ở một góc phố rêu phong nào đó, những ông già quắc thước với nghiên mực tàu, tờ giấy đỏ để mang đến cho người qua đường một niềm vui nho nhỏ mà trang trọng. Mỗi năm hoa đào nở câu thơ gợi kên một cái gì rất đều đặn, thường kì: *Lại thấy ông đồ già. Mỗi năm... lại thấy*, tức là nụ hoa đào hồng rực chúm chím và những ông đồ già xuất hiện trên phố xưa là hai hình ảnh gắn với nhau, là biểu tượng của mùa xuân, của một năm hết, Tết đến. Hai hình ảnh ấy đối xứng với nhau trong hai câu thơ đầu, làm sống dậy trong lòng ta cái quen thuộc xa xưa, đúng là xa xưa vì tuy nhà thơ chưa nói đến chuyện hôm nay, nhưng dõi theo nhịp thơ, ta đã thấy nhà thơ như muốn gọi về một kỉ niệm. Đã *mỗi năm rồi lại thấy*. Kết câu đầu là một thanh trắc sau hai thanh bằng. Kết câu hai là ba thanh bằng liên tiếp. Cho nên chính chữ nở ấy dội vào lòng ta như một tiếng cồng trầm, và ba chữ *ông đồ già* là âm vang của tiếng gõ ấy, làm ấm lòng người, gọi lên nỗi bồi hồi lan tỏa. Cảm xúc ấy làm cái đệm cho ta nhớ lại “cụ già”: *Bày mực tàu giấy đỏ. Bên phố đông người qua*. Tứ thơ kết thúc hoàn chỉnh hình ảnh làm giật mình người qua đường đang hỏi hã: “Ồ, đã Tết rồi đấy nhi!”. Cách miêu tả rất thông thả, phản ánh đúng những động tác khoan thai của ông đồ già, và phần nào làm công việc của ông trở nên thi vị. Ta như không nghĩ đến cái thực tế của công việc, mà tưởng như ông già bày nghiên mực ấy đang tận hưởng một thú vui của những nhà nho xưa, tưởng như đang thấy ông vuốt râu cười hiền hòa khi nhìn trên đường phố ngựa xe xuôi ngược trước mắt. Rất dân tộc, rất Việt Nam, cả khổ thơ tỏa ra cái tình man mác và ấm áp lòng người. Và ông đồ già chẳng phải nhọc công khi:

*Bao nhiêu người thuê viết  
Tám tắc ngợi khen tài  
“Hoa tay thảo những nét  
Như phượng múa rồng bay”.*

Mỗi năm ta có một dịp Tết cổ truyền. Tết đến làm lòng ta rạo rực, băng khuâng. Và như một nét cố hữu của từng người, người ta xóa bỏ những cái

cũ của cảnh vật và lòng mình, thay vào đó bằng màu sắc tinh khôi của xuân mới. Một vuông vải lụa hồng tươi rói thay cho vuông vải bạc màu ở cổng chợ thôn quê. Một màn mưa bụi li ti đậu vào cành khô gãy guộc, như một phép thần, làm nảy lên những búp non mơn mớn của sự sống. Mái ngói đỏ, tường vôi trắng, cả hồn người cũng thấy trẻ trung, phơi phới. Và một nét không thể thiếu được của Tết xưa, đó là những câu đối mới treo dưới bàn thờ tổ tiên:

*Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ*

*Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.*

Một câu đối thường có hai vế, viết bằng chữ Hán, trên hai mảnh lụa đều hoặc hai mảnh giấy dài dán song song với nhau hai bên bàn thờ, cái vị trí trang trọng nhất trong mỗi ngôi nhà Việt Nam. Một câu đối cũng như một cái hồn của ngôi nhà, không chỉ là cái tài tình của câu chữ mà còn là một nét tinh thần rất thanh cao. Ngày xưa, những người hiếu học thường đem bút đến nhà thầy xin câu đối về treo Tết, coi đó là một việc làm trang trọng biểu lộ truyền thống hiếu nghĩa thầy trò. Một câu triết lí, một quy tắc sống... trở thành hai câu đối vắn, đối thanh, đối nghĩa chặt chẽ, làm cho người nhận hả hả, tâm đắc, người thảo ra thỏa mãn, hài lòng. Câu đối là cái không thể thiếu trong ngày Tết, cùng với cành đào Nhật Tân chúm chím khởi sắc.

Ta trở lại với ông đồ già viết câu đối của Vũ Đình Liên, của phố phường Hà Nội xưa. Ông đồ già tài hoa không phụ lòng người hiếu học, và người cũng không phụ lòng ông đồ già. *Bao nhiêu người thuê viết*, dù là thuê thôi, thời ấy chắc một hai đồng kẽm, chắc chắn chỉ đủ cho ông mua giấy mực và mua cái áo mới cho đứa cháu nhỏ, nhưng cũng thật đáng quý. Đáng quý ở chỗ người Hà Nội xưa nói riêng và người Việt Nam ta nói chung, có bao nhiêu người muốn có một câu đối, có nghĩa là một quan niệm sống, một quy tắc sống đẹp và một sức cảm nhận thanh tao, bay bổng. Cái truyền thống là đáng quý lắm chứ! Cố nhiên cũng có những người trong đám đông ấy chẳng hiểu hết câu đối, đơn giản chỉ là làm theo tục lệ xưa, nhưng cũng biết tấm tắc ngợi khen, biết cảm thụ cái đẹp, biết trầm trồ trước những nét chữ *như phượng múa rồng bay*. Chừng ấy đủ làm nên cái đẹp cho phố phường, cái sức hút riêng của văn hóa dân tộc, của cuộc sống. Nhà thơ dùng từ rất dân dã mà chính xác: *tấm tắc, ngợi khen, hoa tay, rồng bay, phượng múa*. Ông đồ già của ta phải tài hoa lắm, bởi năm nào ông cũng bày nghiên bút viết câu đối cho khách đem về treo Tết.

Những năm xưa là thế. Hoa đào nở báo hiệu mùa xuân là ông đồ lại bày nghiên mực, giấy hồng bên đường phố đông người để viết câu đối, vì đời sống tinh thần thanh cao của người Hà Nội. Còn năm nay thì sao? Ta có còn thấy cảnh người ta xúm quanh những câu đối đỏ tươi rói màu mực đen nhánh mà tấm tắc ngợi khen tài hoa của ông nữa không?

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

*Người thuê viết nay đâu?*

*Giấy đỏ buồn không thắm;*

*Mực đọng trong nghiên sầu...*

Có thể đường vẫn đông, mà vắng ở đây là vắng cái đám đông xưa bao nhiêu người thuê viết. Nhà thơ như thay lời những người qua đường, thay lời ông đồ già hỏi có phần ngạc nhiên, mà cũng pa chút chua xót: *Người thuê viết nay đâu?* Càng năm càng vắng, những câu đối ngày càng bớt đi. Chắc hẳn ông đã rảnh tay nhìn phố phường qua lại tấp nập, và càng tấp nập càng thấy tàn nhẫn bởi chẳng ai còn nhòm ngó đến ông già bên lều đường. Còn đâu cảnh tíu tít luôn tay xưa! Ta thấy rõ ràng tứ thơ toát lên nỗi buồn thâm lặng của ông già viết câu đối, bởi dù tác giả không nói ra nhưng *người buồn nhà có vui đâu bao giờ!* Giấy đỏ như bầm lại chứ không tươi rói màu son, nghiên mực thôi sóng sánh đen đặc, mà là *giấy buồn, nghiên sầu*. Bởi ông đồ ngồi buồn rười rượi, bởi người đến cứ lác đác thưa dần, nên mực cũng có thời gian để *đọng đáy nghiên*. Cái nghiên mực là hình ảnh quen thuộc gắn liền với nho sĩ xưa, cho nên nói *nghiên sầu* là nhà thơ cho thấy nỗi buồn của ông như chiếu lên nghiên mực, thấm nặng trĩu tờ giấy đỏ, tất cả hợp thành nỗi buồn u ám, ảm đạm, trĩu nặng trong lòng ông đồ và trong lòng nhà thơ. Từ *đọng* với dấu ba chấm như lan tỏa, lắng đọng trong nỗi lòng ông đồ già. Người càng vắng, nỗi buồn ấy càng dày thêm, càng làm lòng người đọc trĩu nặng.

Những câu thơ càng lúc càng trầm xuống:

*Ông đồ vẫn ngồi đây*

*Qua đường không ai hay,*

*Lá vàng rơi trên giấy;*

*Ngoài trời mưa bụi bay.*

Nghiên ngẫm bốn câu thơ mà tôi muốn ứa nước mắt. Khóc cho sự thờ ơ của người đời trước một cái đẹp tinh thần của dân tộc đang mai một. Khóc cho ông đồ già trở nên bé nhỏ như người thừa với những câu đối đã trở nên lỗi thời bên dòng đời cuộn chảy.

*Ông đồ vẫn ngồi đấy*, vẫn như xưa nhưng qua đường không ai hay. Hai câu thơ hết sức thành công, vẽ nên rõ ràng trước mắt ta một cảnh tượng đau lòng. Một ông đồ già râu tóc bạc phơ, ngồi còm cõi rũ vai gầy bên lều đường. Con đường vẫn đông đúc nhưng chẳng còn ai đồng cảm, băng khuâng trong một khoảnh khắc nào đó khi thấy ông đồ và mùa xuân đã đến, chẳng còn ai quan tâm mình. Còn lại ông đồ vẫn ngồi đấy, giữa phố phường sang xuân, bên nghiên mực tàu, giấy đỏ trước người qua lại thờ ơ, lạnh nhạt. Sự thờ ơ, lạnh nhạt đến ghê người, bởi vì nó vô tình. Chính cái vô tình của người đời là cái làm lòng ta còn chua xót hơn cả sự cố ý của họ, bởi cố ý là cũng còn nhớ đến, còn vô tình thì đã quên rồi, quên nét đẹp cổ truyền của dân tộc, nét đẹp của tâm hồn con người, dù chỉ là trước những câu đối đỏ.

Nỗi buồn của ông đồ không còn lắng đọng lại chỉ trong nghiên mực, bút lông, trang giấy, mà lan ra không gian. Kì lạ thế, cái không khí Tết ngày xưa có người tập nập, có cảnh đào nhà ai chúm chím nụ hồng, có sắc đỏ tươi của giấy, có lời cười nói ngợi khen, là cái Tết lòng người còn hướng về cái sâu xa cổ truyền của dân tộc. Cái Tết hôm nay cuộc sống xô bồ, hối hả, người ta sống gấp, sống vội, thì lại chỉ thấy lá vàng, mưa bụi, và cả lá, mưa cũng rất thờ ơ, vô tình. Phải chăng khi mất đi cái đẹp của tâm hồn, mất đi cái cội nguồn dân tộc trong tiềm thức, cuộc sống trở nên ảm đạm hơn? Phải, ta sống hối hả và thực tế quá, nên quên đi những hiều nghĩa, và quên cả rằng chính những điều đó tạo nên cái đẹp cho cuộc sống, cái đẹp ấy không có gì thay thế được bởi nó bắt nguồn từ hồn người. Ông đồ già với câu đối cổ truyền ấy chính là những điều rất nhỏ mà cũng rất lớn, chúng ta đã bỏ quên bên lề cuộc sống, đi qua rồi mà không hay. Ông đồ bị hất bên lề đường, chỉ còn sống với lá vàng, với mưa bụi, với thiên nhiên, còn con người đã trở nên thờ ơ, lạnh lẽo. Mưa bụi bay vu vơ ngoài đường đậu bắt chợt trên vai ai đó. Cả tứ thơ toát ra cái ảm đạm, lạnh lùng của tâm hồn con người và cảnh vật, đến xót xa, đến chua chát. Có lẽ đây là khổ hay nhất trong bài thơ. Cái thờ ơ của lòng người với cái vô tình của thiên nhiên kết hợp, quyện vào với nhau, tạo nên cảm giác nào nề kì lạ cho người đọc. Cái phố đông người qua với cái phố mưa bụi bay có lá vàng rụng của khổ này thật khác nhau, và càng đối lập nhau càng làm nổi bật cái không khí ảm đạm của cảnh sắc cũng như tâm hồn:

*Năm nay đào lại nở,  
Không thấy ông đồ xưa.  
Những người muôn năm cũ,  
Hồn ở đâu bây giờ?*

Khổ thơ kết thúc có vẻ như tàn nhẫn. Dù vắng đến không ai hay, nhưng ông đồ vẫn kiên nhẫn ngồi chờ bên con đường khách vô tình qua lại. Năm nay, lại một mùa hoa đào nở, nhưng hình ảnh ông đồ già viết câu đối không còn nữa. Thế là một cái nghề, cái nghề làm giàu cho tâm hồn con người, làm đẹp cho dân tộc không còn nữa. Chẳng còn ai cần đến đôi tay tài hoa với những nét rồng bay phượng múa của ông nữa. Người ta không còn tấm tắc khen những câu đối đẹp mà chẳng làm ra những giá trị thực tế, chẳng còn thời gian để lòng mình rung động trước hình ảnh cổ xưa thiêng liêng dù đơn giản. Và sự vắng mặt của ông đồ chắc chỉ kịp lưu tâm vào người khác: “Tội nghiệp, chắc ông cụ mất rồi”, và chút lòng trắc ẩn ấy “chưa nòng trên má khách đã phai pha”. Câu thơ có cái gì lưu luyến đậm đà, không chỉ thế, mà còn là buồn đau: *Không thấy ông đồ xưa*. Liệu có bao nhiêu người như nhà thơ còn nhớ đến ông đồ già mỗi năm xuất hiện lúc hoa đào nở? Ta thấy tấm lòng nhà thơ thật đáng quý, đáng quý giữa bao nhiêu tấm lòng nguội lạnh, thờ ơ trước những gì cao quý, thiêng liêng dù nhỏ nhất của cuộc sống. Nỗi buồn của tác giả lắng đọng trong mỗi câu thơ, nó khác hẳn nhịp thơ tron tru

êm đềm của một kí ức đẹp ở những khổ đầu, mà trĩu xuống u buồn. Cái bồi hồi đã trở thành xót xa:

*Những người muôn năm cũ  
Hồn ở đâu bây giờ?*

Cứ đọc kĩ mà xem, sẽ thấy cái xót xa thấm đậm trong câu hỏi cuối: *Những người muôn năm cũ* là những tâm hồn đẹp, thanh cao bên câu đối đỏ của ông đồ hay những ông đồ trên phố phường Hà Nội xưa? Tôi nghĩ là cả hai. Thắc mắc của tác giả rất có lí, và chính vì có lí nên nó thật tàn nhẫn và đau xót. Những cái đẹp cao quý sâu kín, cái đẹp của hồn người Hà Nội, cái đẹp của hồn Việt Nam cứ ngày càng mai một, càng bị cuộc sống với những quy tắc rất thực tế lấn át, chà đạp và xô đẩy, để rồi biến mất như ông đồ già kia, và có lẽ sẽ mãi mãi không còn nếu như không có những Vũ Đình Liên đáng cảm phục. *Hồn ở đâu bây giờ?* Câu hỏi ấy là tiếng chuông cảnh tỉnh người đọc ở mọi thế hệ, mọi thời đại, thức dậy những gì sâu xa đã bị lãng quên, chôn vùi dưới cuộc sống ồn ào, náo nhiệt. Làm sao để khôi phục lại cái hồn cho cả dân tộc, đó là điều nhà thơ Vũ Đình Liên muốn nhắn gửi tới chúng ta.

Tôi xin lạc ra khỏi đề để đề liên tưởng đến câu chuyện thời thơ bé. Cô công chúa muốn có cái mũ miện cưới thật đặc biệt nên đã vô tình làm tuyệt chủng loài chim có bộ lông tuyệt đẹp, và bao nhiêu năm sau, cô sống trong nỗi đơn lạnh và hối hận, mãi mãi tự dằn vặt mình vì đã vô tình gây tội ác. Chúng ta cũng thế. Chúng ta cũng vì mãi chạy theo những mục đích tầm thường của cuộc sống hằng ngày mà vô tình giết chết cái đáng trân trọng, đáng quý của dân tộc: bản sắc cổ truyền của con người Việt Nam. Chẳng còn ai, hay hiếm lắm, cảnh ngày mừng Một Tết cha mẹ dẫn con đến nhà thầy cô giáo cũ giờ đã bạc phơ mái đầu để thọ lễ. Những điều đơn giản nhất như lời chào, tiếng cảm ơn của người Hà Nội thanh lịch ngày càng hiếm. Những quy tắc đạo đức trong một lớp đồng người trở thành “rơm đời”. Thật xót xa, đúng thế, và nếu chúng ta không dừng lại thì sẽ mãi mãi hối hận xót xa.

Xuân Canh Ngọ, tôi thấy hình ảnh một ông đồ già trên báo *Nhân dân chủ nhật*, đúng như hình dung của tôi. Bức ảnh thật sáng sủa, vài tà áo dài vương vào với những nụ cười thiếu nữ, gọi lên trong ta một niềm tin hi vọng tuy mơ hồ nhưng phấn khởi. Tôi tin, những lớp người mới như chúng ta sẽ cùng Vũ Đình Liên gióng lên những tiếng chuông cảnh tỉnh lòng người Việt Nam, dựng lại cho dân tộc bản sắc thiêng liêng của mấy ngàn năm văn vật, và phải chăng chính đề ra cũng mang dụng ý đó... Chúng ta sẽ tìm lại cho dân tộc cái hồn riêng sâu lắng, sẽ tìm lại cho mỗi con người một tâm hồn biết rung động trước cái đẹp của quê hương, đất nước, tìm lại Hà Nội trọng nghĩa trọng tài với những ông đồ già và câu đối tươi rói mỗi dịp xuân về bên nụ đào hồng rực rỡ...

Phan Thị Hải Yến

Trường THPT Bà Rịa – Vũng Tàu (Bài đoạt giải nhì)